

Trà Cú, ngày 08 tháng 7 năm 2022

Số: 130/2022/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 63/2022/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 02 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp O, xã T, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp cho ông Trần Văn T là ông Bùi Văn T1, sinh năm 1983 – Địa chỉ: ấp X, xã N, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 31/3/2022).

Bị đơn: Bà Mai Thị D, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp O, xã T, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị S, sinh năm 1954

Địa chỉ: ấp O, xã T, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh là.

2. Ông Phạm Thanh H, sinh năm 1970

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Trần Văn T và bà Mai Thị D.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Ông Trần Văn T và bà Mai Thị D thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Tên Trần Mai Công M, sinh năm 1998, đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Gồm có một căn nhà cột đúc, xây mặt dựng, mái lợp tol, hai bên vách lá có diện tích 120m² (chiều ngang 06m; dài 20m), được xây dựng trên thửa đất của bà Trần Thị S và thửa đất diện tích 4.529m² thuộc thửa số 291, tờ bản đồ số 7, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp B, xã Đ, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Đối với thửa đất diện tích 4.529m² thuộc thửa số 291, tờ bản đồ số 7, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp B, xã Đ, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Ông Trần Văn T, bà Mai Thị D và bà Trần Thị S đã tự thỏa thuận xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với căn nhà cột đúc, xây mặt dựng, mái lợp tol, hai bên vách lá có diện tích 120m² (chiều ngang 06m; dài 20m) được xây dựng trên thửa đất của bà Trần Thị S, trị giá căn nhà là 60.000.000 đồng (ông T và bà D tự thỏa thuận không yêu cầu định giá tài sản). Bà D đồng ý giao căn nhà trên cho ông T quản lý sử dụng và ông T đồng ý trả giá trị căn nhà cho bà D số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu*) đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm một khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án (tất cả các khoản tiền) theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về nợ chung: Do bà Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa giải quyết trong vụ kiện này nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà Mai Thị D phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn*) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 750.000đ (*Bảy trăm năm mươi nghìn*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Văn T phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn*) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 750.000đ (*Bảy trăm năm mươi nghìn*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí 925.000đ (*Chín trăm hai mươi lăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009661 và 0009662, cùng ngày 09 tháng 2 năm 2022 của Chi cục thi hành án huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Hoàn trả cho ông Trần Văn T số tiền tạm ứng án phí còn thừa 100.000đ (*Một trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009661 và 0009662, cùng ngày 09 tháng 2 năm 2022 của Chi cục thi hành án huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND xã Ngũ Lạc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Sơn Thị Sô Tha